Biểu mẫu 01

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG

TRƯỜNG MẦM NON BIÊN GIANG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	93%	100%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Theo chương trình GDMN	Theo chương trình GDMN
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Phát triển thể chất: 90% - Phát triển nhận thức: 89% - Phát triển ngôn ngữ: 93% - Phát triển TC-QHXH: 93%	- Phát triển thể chất: 100% - Phát triển nhận thức: 100% - Phát triển ngôn ngữ: 100% - Phát triển TC-QHXH – Thẩm mỹ: 100% - Phát triển Thẩm mỹ: 100%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Bồi dưỡng chuyên môn cho GV; Bồi dưỡng tổ chức thực hành các chuyên đề/trẻ.	- Bồi dưỡng chuyên môn cho GV; Bồi dưỡng tổ chức thực hành các chuyên đề/trẻ.

Hà Đông, ngày 29 tháng 05 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG MẦM NON BIÊN GIANG

Phạm Thị Tâm

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 02

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG

TRƯỜNG MẦM NON BIÊN GIANG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024-2025

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày				65	110	160	175
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập				0	0	0	0
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**				65	110	160	175
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**				65	110	160	175
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**				65	110	160	175
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**				65	110	160	175
1	*Số trẻ cân nặng bình thường*				64	108	154	164
2	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân*				1	0	4	2
3	*Số trẻ có chiều cao bình thường*				63	110	159	174
4	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể*				2	0	1	1

Scanned with CamScanner

	thấp còi							
5	*Số trẻ thừa cân béo phì*				0	2	2	9
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**				65	110	160	175
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				65			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					110	160	175

Hà Đông, ngày 29 tháng 05 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG MẦM NON BIÊN GIANG

Phạm Thị Tâm

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 03

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG

TRƯỜNG MẦM NON BIÊN GIANG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học....

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Tổng số phòng**		Số m^2/trẻ em
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố		1,8-2m^2/trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	**Số điểm trường**		-
IV	**Tổng diện tích đất toàn trường (m^2)**		3.703.7m^2
V	**Tổng diện tích sân chơi (m^2)**		600m^2
VI	**Tổng diện tích một số loại phòng**		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m^2)		60m^2
2	Diện tích phòng ngủ (m^2)		60m^2
3	Diện tích phòng vệ sinh (m^2)		10m^2
4	Diện tích hiên chơi (m^2)		1.5m^2
5	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (m^2)*		60m^2
6	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m^2)*		80m^2
7	Diện tích nhà bếp và kho (m^2)		230m^2
VII	**Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		30 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		Đủ 13/13 nhóm lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu		0

Scanned with CamScanner

	còn thiếu so với quy định		
VIII	**Tổng số đồ chơi ngoài trời**		12/sân chơi (trường)
IX	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)**		- Máy tinh: 08 cái - Máy chiếu: 01 bộ.
X	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Đồ dùng, Đồ chơi tự tạo 04 bộ/nhóm (lớp)
1	…		

		Số lượng(m^2)				
XI	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		26		1,2 m^2/trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XII	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XIII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XIV	**Kết nối internet**	x	
XV	**Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục**	x	
XVI	**Tường rào xây**	x	
..	....		

Hà Đông, ngày 29 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG T.P HÀ NỘI
TRƯỜNG MẦM NON BIÊN GIANG

Phạm Thị Tâm

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu 04

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG

TRƯỜNG MẦM NON BIÊN GIANG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học ….

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47		1	26	13	5	2	12	25	8	6	27		
I	**Giáo viên**	30													
1	Nhà trẻ				4	1				3	2	0	5	0	0
2	Mẫu giáo				19	5	1			22	3	5	20	0	0
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng			1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng				2						2		2		
III	**Nhân viên**														
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán				1					1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế						1		1						
5	Nhân viên khác					7	3		10						

Scanned with CamScanner

6	LC, Bảo vệ							2							

Hà Đông, ngày 29 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Phạm Thị Tâm

Scanned with CamScanner